CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội

FireAnt

Ngày 31/03/2024	120,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.9%	**-11.8%**	**22.8%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	71,848 - 141,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,947
Số lượng CPLH (CP)	16,229,042
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.74)
EPS	14,141
P/E	8.5

DT thuần
Q1/24
284
tỷ VNĐ
QoQ: ▼41.0| -12.6%
YoY: ▲ 50.0| 21.4%

LN trước thuế
Q1/24
63.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.2| 26.0%
YoY: ▲ 19.5| 44.0%

LN sau thuế
Q1/24
58.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.70| 20.0%
YoY: ▲ 19.1| 48.8%

ROA
2023
21.9%
+/- YoY: ▲ 5.4%

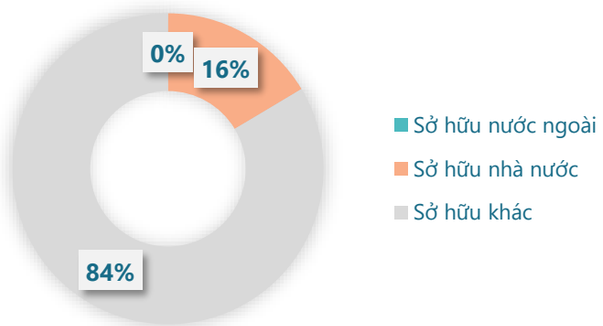
DT thuần
2023
1,113
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 325| 41.3%

LN trước thuế
2023
231
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 99.0| 75.7%

LN sau thuế
2023
217
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 92.0| 73.8%

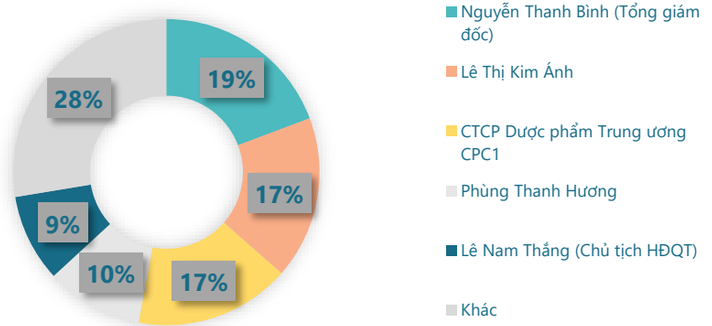
ROE
2023
31.2%
+/- YoY: ▲ 7.4%

Cơ cấu sở hữu



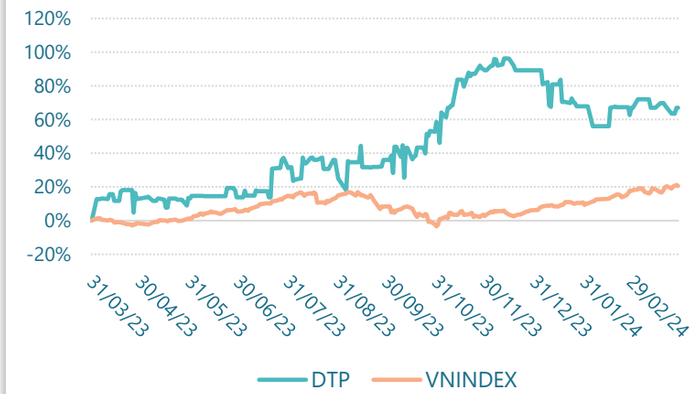
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

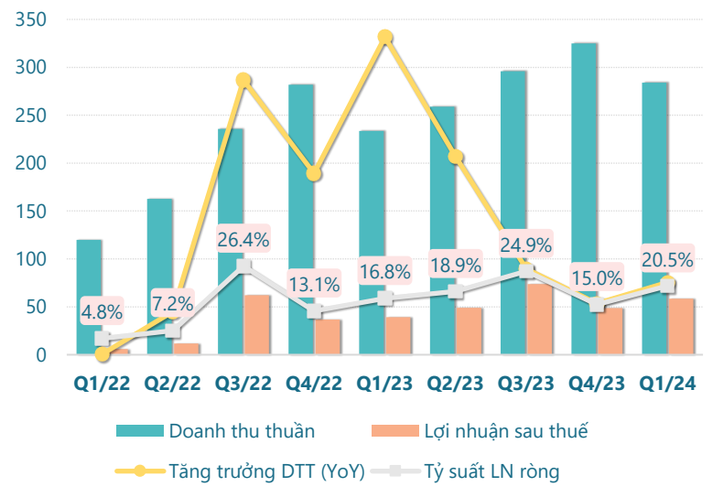
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội

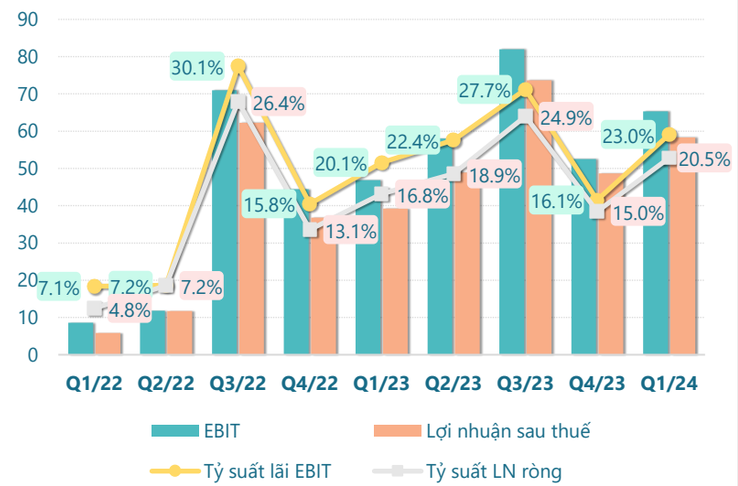
FireAnt

Kết quả kinh doanh



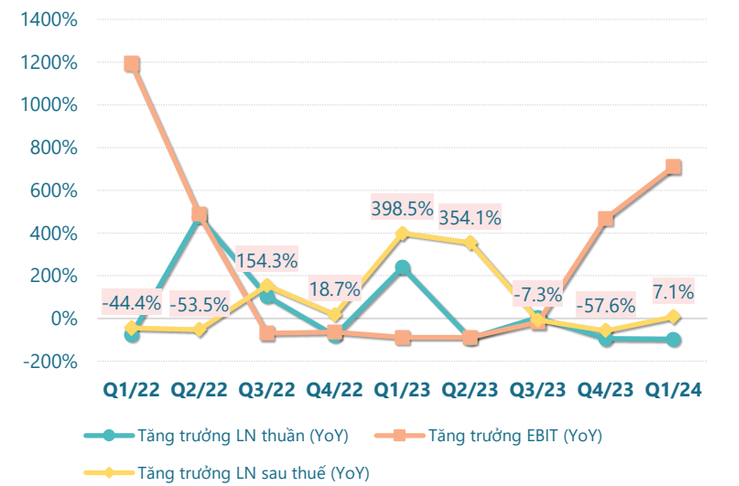
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



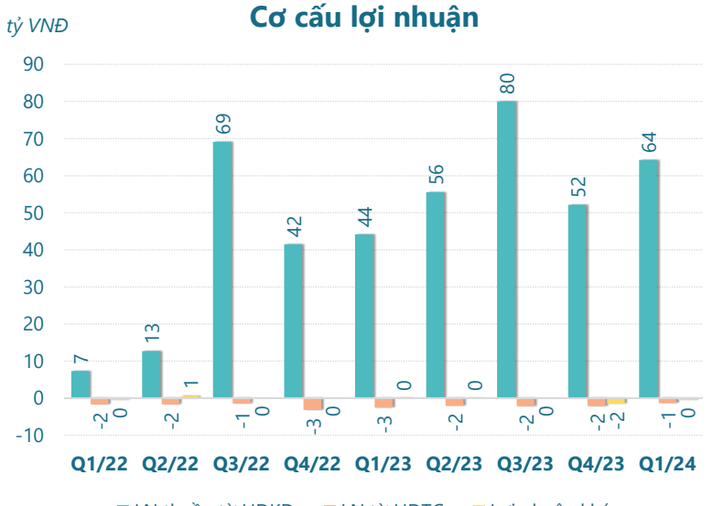
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



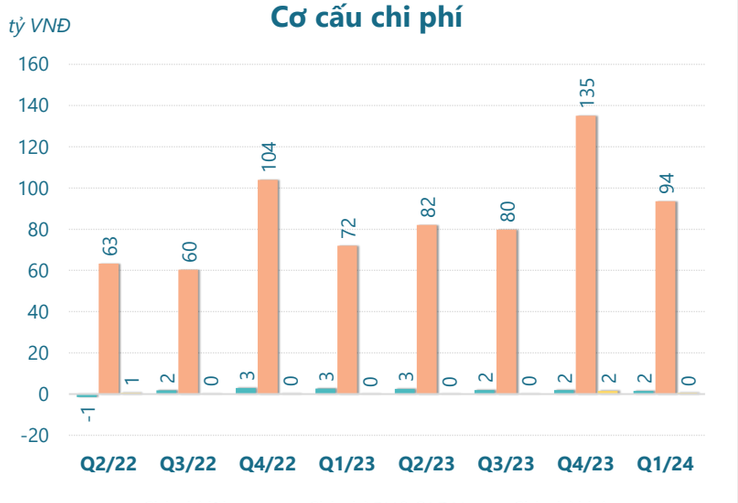
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



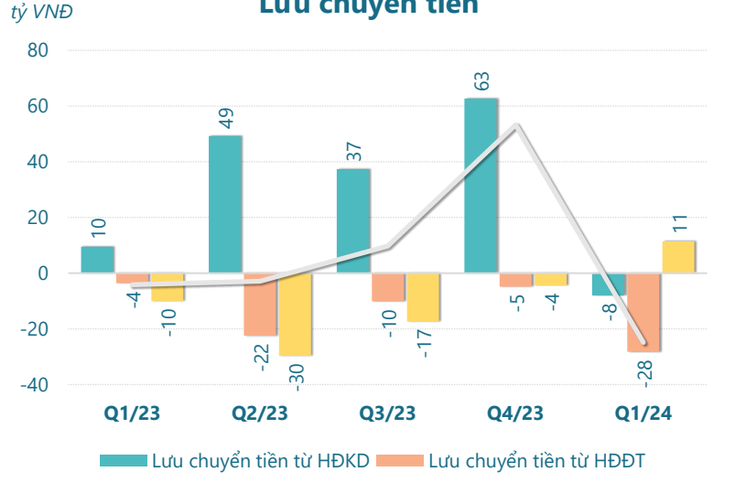
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

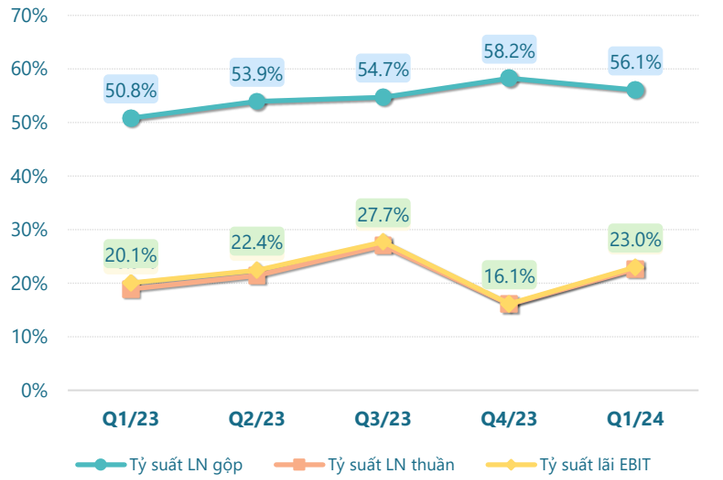


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội

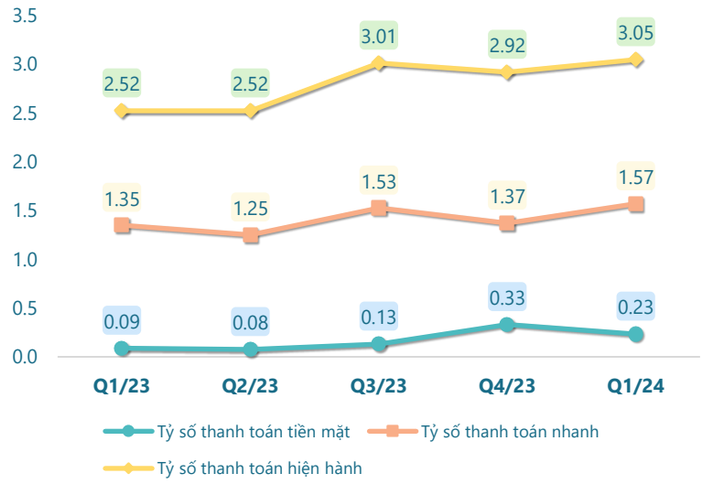
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



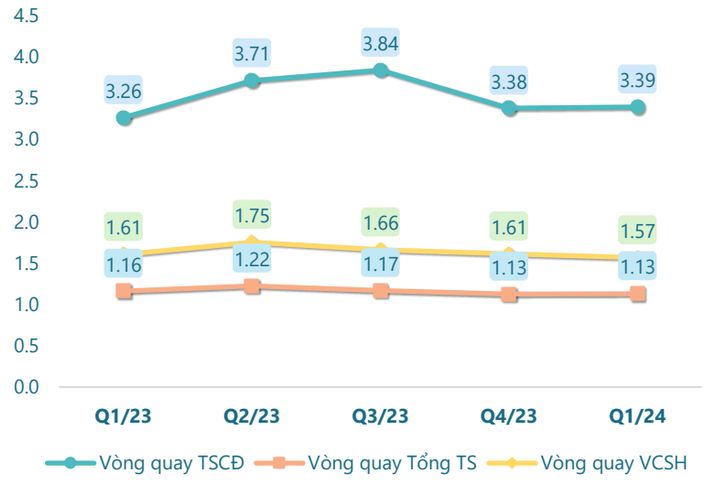
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



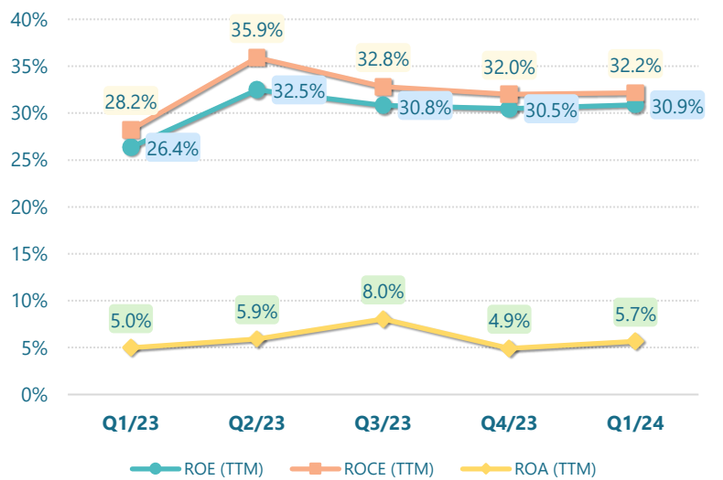
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



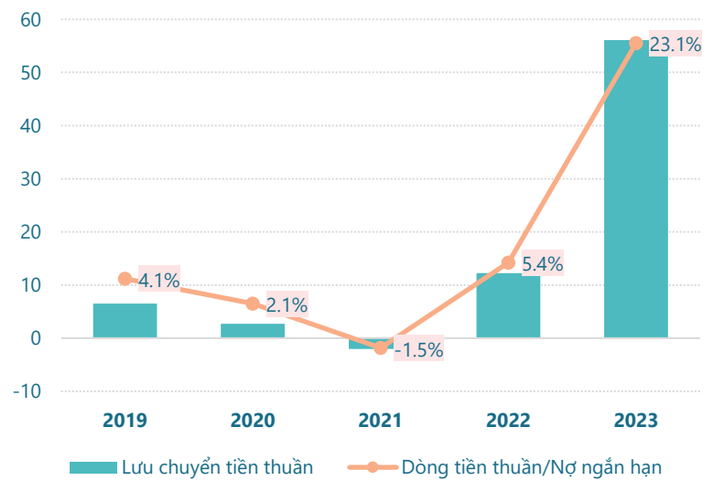
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



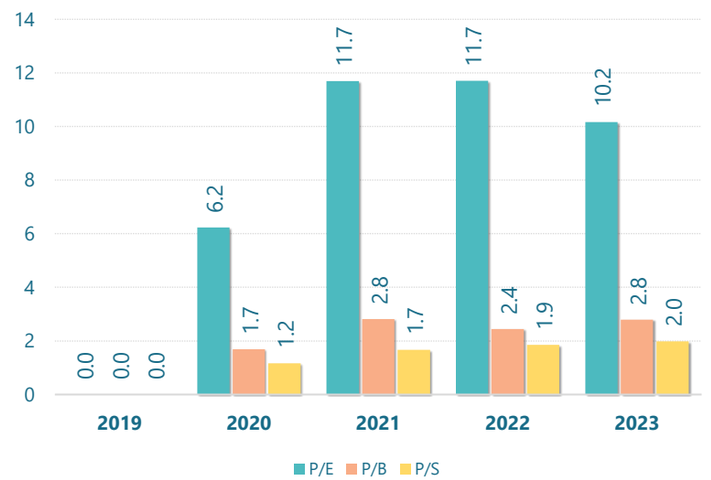
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)